



- Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số Điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

- Văn bản số 1940/BXD-QLN ngày 21/8/2017 và văn bản số 2679/BXD-QLN ngày 09/11/2017 của Bộ Xây dựng “V/v triển khai thực hiện Nghị định 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Thông tư 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016”.

2. Sự cần thiết ban hành văn bản:

- Luật Nhà ở năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 có nhiều nội dung mới, điều chỉnh so với các quy định pháp luật về nhà ở trước đây. Trong đó có một số nội dung liên quan đến cung cấp các thông tin liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản.

- Tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “Ban hành quy chế phối hợp và chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương”.

- Tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định trách nhiệm của UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng: “Xây dựng quy chế, quản lý, khai thác, sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa phương; quy chế về đảm bảo an ninh, bảo mật thông tin”.

- Tại văn bản số 1940/BXD-QLN ngày 21/8/2017 của Bộ Xây dựng đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện “Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp, chỉ đạo các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương”.

Từ những lý do trên, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên để phù hợp với tình hình thực tế của Tỉnh và các văn bản pháp luật mới ban hành là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. Quá trình xây dựng Dự thảo

- Sở Xây dựng có văn bản số 687/SXD-QLN ngày 23/8 /2018 gửi các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị liên quan xin ý kiến tham gia Dự thảo Quyết định Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, kiểm tra thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Sở Xây dựng nhận được ý kiến tham gia của 14 cơ quan, đơn vị và tiếp thu các ý kiến tham gia (*gửi kèm theo bảng tổng hợp ý kiến tham gia và nội dung tiếp thu của Sở Xây dựng*).

- Ngày 08/5/2019, Sở Xây dựng đã có văn bản số 335/SXD-QLN gửi Sở Tư pháp thẩm định và Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 540/BC-STP ngày 21/5/2019.

III. Về nội dung Dự thảo

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên gồm 3 chương, 11 điều, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung, gồm 05 Điều.

Chương II: Quy định cụ thể, gồm 03 Điều.

Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 03 Điều.

IV. Hồ sơ trình

1. Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Dự thảo Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Báo cáo số 540/BC-STP ngày 21/5/2019 của Sở Tư pháp về Báo cáo thẩm định Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

4. Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị và nội dung tiếp thu của Sở Xây dựng.

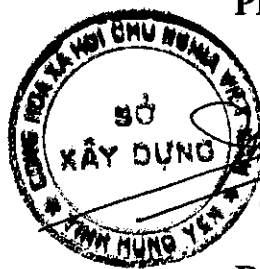
5. Các văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VP, QLN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Xuân Quang



Số: 857 /TT-SYT

Hung Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 03 / 7 / 2019
ĐẾN	Ngày: 03 / 7 / 2019
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo “Quyết định ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên” như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

- Trong thời gian qua, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm an toàn thực phẩm vẫn diễn biến phức tạp gây lo lắng, bức xúc cho người dân. Nguyên nhân chủ yếu do UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn chưa quan tâm sát sao trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; chậm phát hiện và không kịp thời xử lý các vụ việc vi phạm. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn phân công phối hợp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, chỉ mới phân cấp cho Bộ, ngành đến UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chưa hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

- Vì vậy, việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là rất cần thiết, nhằm tăng cường vai trò quản lý, chịu trách nhiệm khi có sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra trên địa bàn, làm cơ sở để đánh giá năng lực quản lý đối với lãnh đạo các Sở, ngành là thành viên Ban chỉ đạo và lãnh đạo tại các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn về việc thực hiện quản lý an toàn thực phẩm theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng chính phủ.

- Năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Năm 2018, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; bãi bỏ Chương II Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.



- Thực hiện Thông báo số 304/TB-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh về việc thông báo kết luận của Phó Chủ tịch tỉnh Nguyễn Duy Hưng tại Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm về việc sửa đổi Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo quyết định

1. Mục đích

- Phân công trách nhiệm, tăng cường hiệu lực, tránh chồng chéo trong công tác quản lý nhà nước, tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; không bỏ sót đối tượng thuộc phân cấp quản lý;

- Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm;

- Quy định về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm; giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm, Quản lý tổ chức hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Bảo đảm an toàn thực phẩm có tác động lớn tới sức khỏe của người dân, sự phát triển kinh tế và là mối quan tâm của toàn xã hội. Do đó, công tác này phải được coi là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và lâu dài của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, do đó, hoàn thiện và tăng cường đủ mạnh đối với hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là yếu tố tiên quyết đảm bảo sự thành công và hiệu quả trong hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Quyết định

- Thực hiện Thông báo số 304/TB-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh về việc thông báo kết luận của Phó Chủ tịch tỉnh Nguyễn Duy Hưng tại Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, Sở Y tế giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là đầu mối tổng hợp, xây dựng dự thảo Quyết định ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Sở Y tế chỉ đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm xây dựng nội dung dự thảo, trình Sở Y tế xin ý kiến chỉ đạo và gửi các sở, ngành đóng góp ý kiến;

- Tổng hợp các ý kiến đóng góp của các sở, ngành (Sở Công Thương tại văn bản số 1252/SCT-KTAT ngày 24/8/2018; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 701/SNN-QLCL ngày 23/8/2018; Sở Khoa học và Công nghệ tại văn bản số 280/SKHCN-TĐC ngày 24/8/2018; Sở Giáo dục và Đào tạo tại văn bản số 1425/SGĐT-CTTT ngày 22/8/2018) và chỉnh sửa bản dự thảo phù hợp với các nội dung góp ý của các đơn vị;

- Sở Y tế lập hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Công văn số 1455/SYT-NVY ngày 26/10/2018 của;

- Sở Tư pháp đề nghị Sở Y tế bổ sung hồ sơ đề nghị thẩm định gửi tại Công văn số 1230/STP-XDKTVB ngày 08/11/2019.

- Ngày 02/01/2019, Sở Y tế đã gửi bổ sung hồ sơ đề nghị thẩm định.

- Ngày 11/01/2019, Sở Tư pháp đã thẩm định hồ sơ và ban hành Báo cáo thẩm định số 37/BC-STP ngày 11/01/2019 về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Ngày 22/3/2019, Sở Y tế đã lập Báo cáo số 35/BC-SYT ngày 22/3/2019 về việc Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Ngày 10/4/2019, Sở Y tế ban hành Công văn số 478/SYT-ATTP về việc đề nghị Sở Tư pháp cho ý kiến về Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định số 35/BC-SYT ngày 22/3/2019 của Sở Y tế.

- Ngày 17/4/2019, Sở Tư pháp ban hành Công văn số 429/STP-XDKTVB về việc phúc đáp Công văn số 478/SYT-ATTP ngày 10/4/2019 của Sở Y tế.

IV. Bộ cục và nội dung của dự thảo Quyết định

1. Bộ cục

Dự thảo Quy định gồm 5 chương:

- Chương I: Quy định chung.

- Chương II: Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước an toàn thực phẩm.

- Chương III: Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không an toàn.

- Chương IV: Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; đăng ký bản công bố sản phẩm thực phẩm; quản lý hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Chương V: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

- Quy định chung (Điều 1, Điều 2): quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước an toàn thực phẩm (từ Điều 3, Điều 4): quy định về nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước an toàn thực phẩm; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không an toàn trên địa bàn tỉnh (từ Điều 5 đến Điều 8): quy định việc phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; giao trách nhiệm quản lý, ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn trên địa bàn tỉnh.

- Phân cấp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm, bản đăng ký công bố sản phẩm;

quản lý hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh (từ Điều 9 đến Điều 12): quy định việc phân cấp, trình tự, thủ tục cấp và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; quy định việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; quy định việc đăng ký bản công bố sản phẩm; quản lý hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện (từ Điều 13 đến Điều 15) quy định vai trò, trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đối với các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và UBND huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn.

V. Những vấn đề xin ý kiến

Trong quá trình soạn thảo, sửa đổi, đa số ý kiến thể hiện sự tán thành với nội dung của dự thảo Quyết định. Tuy nhiên, trong dự thảo Quyết định có một số vấn đề mới thay đổi đã được các đơn vị sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo tham gia đóng góp ý kiến. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh đã tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện bản dự thảo để trình UBND tỉnh phê duyệt.

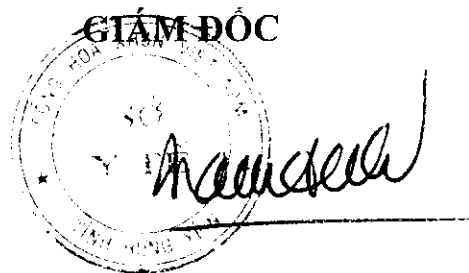
Việc ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo đảm an toàn thực phẩm, tránh chồng chéo trong các hoạt động đảm bảo ATTP trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở Y tế xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Quyết định ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; (2) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định lần 1 và lần 2; (3) Phô tô Báo cáo thẩm định và Công văn số 429/STP-XDKTVB ngày 17/4/2019 về việc phúc đáp của Sở Tư Pháp). /.

Nơi nhận: *A*

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Chi cục ATVSTP;
- Lưu: VT, NVY.



Nguyễn Thị Anh

Số: /2019/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước
về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm;

Căn cứ Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương về việc hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các Chi cục và các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện

đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 45/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số/TTr-SYT ngày .../.../2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quyết định

Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng.... năm 2019. Bãi bỏ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Công thương;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp- CSDLQG về pháp luật;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN
THỰC PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày / /2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
2. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và quản lý, ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn trên địa bàn tỉnh.
3. Phân cấp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; công bố sản phẩm thực phẩm; quản lý hội thảo, hội nghị về thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Chương II
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Trên cơ sở các quy định của Luật an toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Trên cơ sở thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
3. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
4. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp.

5. Bảo đảm nguyên tắc một cửa, một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.

6. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.

7. Phân cấp quản lý nhà nước giữa tỉnh và các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

8. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý.

9. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, đầu giá nông sản.

10. Đối với cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

11. Việc thanh tra an toàn thực phẩm thực hiện theo Luật Thanh tra và các quy định hiện hành. Việc kiểm tra an toàn thực phẩm thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương được phân công theo lĩnh vực quản lý.

12. Nếu có phát sinh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

1. Sở Y tế: chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và trường hợp quy định tại Khoản 8, Khoản 10 Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và các trường hợp quy định tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 Quy định này.

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực được Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành trung ương phân cấp quản lý theo quy định và trường hợp quy định tại Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 3 Quy định này, trừ những cơ sở thực phẩm do Ủy ban nhân

dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý tại Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ NGĂN CHẶN HÀNH VI SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM KHÔNG AN TOÀN

Điều 5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm cấp tỉnh

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Xác định rõ cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp theo quy định:

a) Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động chủ trì tổ chức, thực hiện việc thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo phạm vi quản lý được phân công. Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

b) Trường hợp tiến hành thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm cấp tỉnh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành phải xác định rõ nội dung, địa bàn, cơ quan chủ trì đoàn thanh tra, kiểm tra và cơ quan phối hợp. Cơ quan chủ trì thanh tra, kiểm tra phải thông báo bằng văn bản cho các cơ quan có liên quan cử người tham gia phối hợp và kết quả thực hiện sau khi kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra.

3. Sở Y tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh trong những trường hợp sau:

a) Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao;

b) Phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng;

c) Khi có sự khác biệt trong kết luận thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở quản lý ngành, lĩnh vực;

d) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các sở, ngành quản lý theo lĩnh vực được phân công.

4. Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật trong hoạt động thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện việc trao đổi thông tin từ lập kế hoạch đến thực hiện thanh tra và kết quả thanh tra để biết và phối hợp tránh chồng chéo giữa các sở, ngành, các cấp bảo đảm hoạt động thanh tra, kiểm tra thống nhất từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên.

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các sở được phân công lĩnh vực quản lý trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các huyện, thành phố thì thực hiện theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các sở được phân công lĩnh vực quản lý. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm cử người tham gia phối hợp.

6. Các cơ quan trên địa bàn tỉnh không được phân công quản lý về an toàn thực phẩm tại Điều 4 Quy định này nếu tổ chức thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực an toàn thực phẩm, trừ thanh tra, kiểm tra đột xuất phải thống nhất với Sở Y tế để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh cho ý kiến chỉ đạo. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra phải có báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, gửi quyết định, kế hoạch thanh tra, kiểm tra về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

7. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết thì phải báo cáo Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh để xin ý kiến giải quyết.

8. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành; định kỳ 6 tháng, hàng năm các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và các sở, ngành được giao tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý hoặc phạm vi được giao thanh tra, kiểm tra về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 6. Phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm tại các huyện, thành phố

1. Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thành phố xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm.

2. Các phòng: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế-Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Hưng Yên chủ động chủ trì tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm theo phạm vi quản lý được phân công trên địa bàn. Các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất cơ sở thực phẩm không thuộc thẩm quyền quản lý khi: Có chỉ đạo, yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng.

4. Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành định kỳ, đột xuất, hàng quý, 06 tháng, hằng năm trước ngày 25 của tháng cuối quý, cuối năm có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm về Sở Y tế.

5. Việc phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí thực hiện theo quy định của pháp luật về phát ngôn và cung cấp thông tin.

Điều 7. Thực hiện kiểm tra về an toàn thực phẩm tại xã, phường, thị trấn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm trên địa bàn đối với các cơ sở thực phẩm được quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Tổ chức kiểm tra đột xuất cơ sở thực phẩm không thuộc thẩm quyền quản lý khi: Có chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan cấp trên; phát hiện thực phẩm mất an toàn có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng.

4. Kết thúc đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất, hàng quý, 06 tháng, hằng năm trước ngày 20 của tháng cuối quý, cuối năm có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm về Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện, thành phố.

Điều 8. Quản lý, ngăn chặn hành vi sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn trên địa bàn tỉnh

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và tổ chức đoàn thể cùng cấp giám sát toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn quản lý. Khi phát hiện thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm vi phạm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, phải:

- Chỉ đạo lực lượng công an và các cơ quan có chức năng trên địa bàn huyện, thành phố tổ chức kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thông tin kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh; các sở được phân công lĩnh vực quản lý theo Điều 4 Quy định này để tổ chức kiểm soát.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giám sát toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Khi phát hiện thực phẩm, hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người tiêu dùng, phải:

- Chỉ đạo lực lượng công an và các lực lượng chức năng liên quan trên địa bàn kịp thời ngăn chặn, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thông tin kịp thời tới cấp có thẩm quyền để tổ chức kiểm soát.

Chương IV

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM; CẤP GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỰC PHẨM; ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM; QUẢN LÝ HỘI THẢO, HỘI NGHỊ VỀ THỰC PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 9. Cấp và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Phân cấp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Sở Y tế: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Y tế, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

c) Sở Công Thương: Thực hiện theo sự phân cấp của Bộ Công Thương, có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Khoản 3, Điều 4 Quy định này.

d) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp hoặc phân cấp cho các đơn vị chức năng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Phụ lục 1,2 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thực hiện theo Quy định của Luật An toàn thực phẩm, quy định của Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

3. Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh không hoạt động ngành nghề kinh doanh thực phẩm đã đăng ký.

b) Có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ sở cũ.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

Điều 10. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm

Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.

Điều 11. Công bố sản phẩm thực phẩm

1. Tự công bố sản phẩm thực phẩm: Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, thuộc Sở Y tế tiếp nhận và lưu giữ hồ sơ tự công bố sản phẩm đến khi có Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm.

2. Cấp Giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm: Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, thuộc Sở Y tế có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 12. Quản lý hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm

1. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc tổ chức hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát việc tổ chức hội nghị, hội thảo về quảng cáo thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương

1. Theo lĩnh vực được phân công quản lý triển khai thực hiện và đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện Quyết định này.

2. Theo lĩnh vực được phân công quản lý, thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm, định kỳ hàng quý gửi về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp dưới chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp trên về việc thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị chức năng theo lĩnh vực được phân cấp, phân công quản lý thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm trên địa bàn gửi về Sở Y tế (qua Chi cục An toàn thực phẩm tỉnh - Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh).

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp dưới chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp trên về việc thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh.

3. Thường xuyên rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thực phẩm trên địa bàn gửi về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND
ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn/lần phục vụ không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan có thẩm quyền của huyện, thành phố cấp.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Các cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh có hoặc không có giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng sản xuất nhỏ lẻ ở mức hộ gia đình, hộ cá thể.

2. Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ thực hiện đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Các chợ hạng I, hạng II kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA; CƠ SỞ THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2019/QĐ-UBND
ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

I. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế

1. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có quy mô kinh doanh dưới 50 suất ăn/lần phục vụ, kinh doanh thức ăn đường phố.

2. Quản lý các hoạt động tổ chức đông người ăn uống (từ 30 người trở lên), tại các hộ gia đình như đám cưới, đám hỏi, đám giỗ, đám ma, mừng thọ, liên hoan của các hội, các tổ chức có đông người ăn.

II. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Các cơ sở được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. Quản lý an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực của ngành Công Thương

1. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Chợ hạng III kinh doanh thực phẩm (không bao gồm chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý).

3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định.



Số: 4017 /TTTr - CT

Hung Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH UBND TỈNH

VỀ GIÁ THỐC THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V	Số: 8056
D.Đ	Ngày: 10/7/2019
	Chuyên: D. Chẩn, tài
	Lưu hồ sơ:

VP *Đ. Chẩn*
Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được Quốc hội Khóa IX nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10/3/1993; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thực hiện Thông tư số 112/2003/TT-BTC ngày 19/11/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 129/2003/NĐ-CP ngày 03/11/2003 của Chính phủ về việc miễn, giảm thuế SDĐNN từ năm 2003 đến năm 2010 cho hộ gia đình cá nhân sản xuất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức; Quyết định số 58/2008/QĐ-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ quy định thu thuế SDĐNN đối với đất nông nghiệp thuộc quỹ đất dành cho nhu cầu công ích của xã; Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội Khóa XII về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thông tư số 120/2011/TT-BTC ngày 16/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp; Nghị định số 21/2017/NĐ - CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.


Căn cứ các quy định trên, năm 2019 theo số bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Hưng Yên đều thuộc trường hợp được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, không còn trường hợp có phát sinh số thuế SDĐNN phải nộp. Song, tại Điều 17 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp SDĐNN quy định “ Thuế sử dụng đất nông nghiệp được tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc thu thuế do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định...”. Việc xác định giá thóc thu thuế SDĐNN làm căn cứ cho việc tính thuế, thu thuế, miễn giảm thuế theo quy định.

Để đảm bảo việc quyết định giá thóc thu thuế SDĐNN năm 2019 theo đúng quy định của Luật, sát với giá thị trường, Cục Thuế tỉnh Hưng Yên đã chỉ đạo Chi cục Thuế huyện, thị xã, khu vực tổ chức khảo sát giá thóc thực tế trên địa bàn và xin ý kiến của UBND huyện, thành phố đồng thời tham khảo ý kiến các tỉnh lân cận.

(Có biểu tổng hợp kèm theo).

Qua kết quả khảo sát giá thóc thực tế trên địa bàn các huyện, thành phố và tham khảo ý kiến các tỉnh lân cận thì cơ bản các huyện, thành phố đề xuất đề nghị giá thóc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2019 là 6.000 đồng/kg là phù hợp.

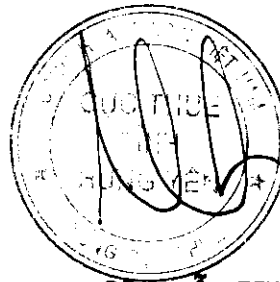
Cục Thuế tỉnh Hưng Yên kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định giá thóc thu thuế SDĐNN năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là **6.000 đồng/kg**.

(Bằng chữ: Sáu nghìn đồng một kilôgam) 

Nơi nhận:

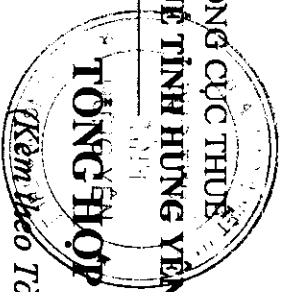
- Như trên;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Phó Cục trưởng (Ông. Khích);
- Lưu VT, HKDCN^{Thư}(3b)-(6)

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Khích

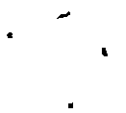
TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HƯNG YÊN



TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ GIÁ THỐC THU THUẾ SDBNN NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 4017/TT-CT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Cục Thuế tỉnh Hưng Yên)

Địa Danh	Giá: 5.500 đ/kg	Giá: 5.700 đ/kg	Giá: 6.000 đ/kg	Giá: 6.400 đ/kg	Giá: 6.500 đ/kg	Giá: 7.000 đ/kg
Các huyện, thành phố thị xã	huyện Kim Động huyện Ân Thi	huyện Khoái Châu	huyện Văn Lâm huyện Phù Cừ huyện Văn Giang huyện Tiên Lữ		thị xã Mỹ Hào huyện Yên Mỹ	thành phố Hưng Yên
Các tỉnh lân cận	Tỉnh Thái Bình (đã có trình UBND tỉnh)			Tỉnh Hà Nam (đã có Quyết định của UBND		





Người ký: Sở Nội vụ
Email: sonv@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 04.07.2019
15:49:14 +07:00

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 399 /TTr-SNV

Hưng Yên, ngày 4 tháng 7 năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
C.V ĐẾN	Số: 7664
	Ngày 05 / 7 / 2019
	Chuyển: Lê Khoa
	Lưu hồ sơ:

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC SÁP NHẬP CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
THUỘC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HƯNG YÊN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo đề nghị của Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên tại Tờ trình số 223/TTr-PTTH ngày 14/6/2019 về Đề án tổ chức lại bộ máy Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên đến năm 2025. Sau khi thẩm định, Sở Nội vụ xin trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 56/2017/QH14), Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 08/NQ-CP), Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 362/QĐ-TTg), Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 24-CTr/TU), Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 37/KH-UBND).

Theo đó, việc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên đề nghị thực hiện sáp nhập Phòng Thư ký - Biên tập với Phòng Thông tin điện tử và đổi tên thành Phòng Biên tập - Thông tin điện tử là thực sự cần thiết, nhằm đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên theo hướng tinh gọn, thu gọn đầu mối bên trong, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên theo đúng các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch của Trung ương, Bộ

Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.

- Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên; số 2439/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 về việc tổ chức lại Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Về việc đề nghị của Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên

Tại Tờ trình số 223/TTr-PTTH ngày 14/6/2019 của Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên và Đề án tổ chức lại bộ máy Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên đến năm 2025 kèm theo, Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng

Yên đề nghị sáp nhập Phòng Thư ký - Biên tập với Phòng Thông tin điện tử và đổi tên thành Phòng Biên tập - Thông tin điện tử.

2. Ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ

Việc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên đề nghị sáp nhập Phòng Thư ký - Biên tập với Phòng Thông tin điện tử và đổi tên thành Phòng Biên tập - Thông tin điện tử là phù hợp với Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 56/2017/QH14, Nghị quyết số 08/NQ-CP, Quyết định số 362/QĐ-TTg, Chương trình hành động số 24-CTr/TU và Kế hoạch số 37/KH-UBND.

III. NỘI DUNG TRÌNH VỀ VIỆC SÁP NHẬP CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THUỘC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HƯNG YÊN

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội, Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nội vụ thống nhất với Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên như sau:

1. Sáp nhập Phòng Thư ký - Biên tập với Phòng Thông tin điện tử và đổi tên thành Phòng Biên tập - Thông tin điện tử thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên.

Sau khi thực hiện sáp nhập và đổi tên, Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Đài) có 09 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (giảm 01 phòng so với số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ hiện tại của Đài), gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Phòng Thời sự, Phòng Biên tập - Thông tin điện tử, Phòng Khoa giáo, Phòng Văn nghệ, Phòng Kỹ thuật, Phòng Phát thanh, Phòng Dịch vụ và quảng cáo.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 05 biên chế trở lên, gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ (phòng có từ 05 đến 09 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 10 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng). Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và theo tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Tổ chức thực hiện

a) Giao Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm viên chức quản lý và viên chức chuyên môn của Đài bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Đài; phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài; xây dựng Đề án vị trí việc làm của Đài trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Ban hành Quy chế làm việc của Đài sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; quy định trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, viên chức và người lao động của Đài; quy định chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác và lề lối làm việc của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, viên chức, người lao động của Đài theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức.

b) Giao Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định, thống nhất với Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Đài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài; thẩm định Đề án vị trí việc làm của Đài trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình Đài tổ chức thực hiện việc sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên.

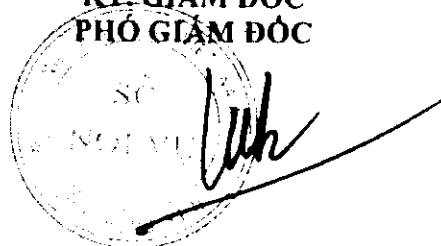
(Có dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo)

Xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đài PT&TH Hưng Yên;
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CVTCBCTCPCP (2).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cù Trọng Khang

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ
thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày /7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sáp nhập Phòng Thư ký - Biên tập với Phòng Thông tin điện tử và đổi tên thành Phòng Biên tập - Thông tin điện tử thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên.

Sau khi thực hiện sáp nhập và đổi tên, Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Đài) có 09 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (giảm 01 phòng so với số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ hiện tại của Đài), gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Phòng Thời sự, Phòng

Biên tập - Thông tin điện tử, Phòng Khoa giáo, Phòng Văn nghệ, Phòng Kỹ thuật, Phòng Phát thanh, Phòng Dịch vụ và quảng cáo.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài yêu cầu được bố trí tối thiểu từ 05 biên chế trở lên, gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ (phòng có từ 05 đến 09 biên chế được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; phòng có từ 10 biên chế trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng). Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và theo tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm viên chức quản lý và viên chức chuyên môn của Đài bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Đài; phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức và tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Đài; xây dựng Đề án vị trí việc làm của Đài trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Ban hành Quy chế làm việc của Đài sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; quy định trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, viên chức và người lao động của Đài; quy định chế độ thông tin, báo cáo, mối quan hệ công tác và lễ lối làm việc của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, viên chức, người lao động của Đài theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định, thống nhất với Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Đài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài; thẩm định Đề án vị trí việc làm của Đài trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong quá trình Đài tổ chức thực hiện việc sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

